

Số: 233/2020/QĐST-HNGĐ

*Lấp Vò, ngày 14 tháng 9 năm 2020*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 342/2020/TLST- HNGĐ, ngày 01 tháng 9 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1971; địa chỉ: Số 308A, ấp P, xã B, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Chị Lê Thị M, sinh năm 1976; địa chỉ: Số 308A, ấp P, xã B, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 9 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 9 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Văn L và chị Lê Thị M.
2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:
  - 2.1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn L và chị Lê Thị M tự nguyện thuận tình ly hôn.
  - 2.2. Về nuôi con chung:
    - Giao con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày 04/3/2004 cho anh Nguyễn Văn L trực tiếp nuôi dưỡng (Cháu Nguyễn Thanh T hiện đang do anh L nuôi dưỡng).

Anh Nguyễn Văn L không yêu cầu chị Lê Thị M có nghĩa vụ đóng góp (Cấp dưỡng) nuôi con chung là cháu Nguyễn Thanh T.

Anh Nguyễn Văn L và các thành viên trong gia đình không được cản trở chị Lê Thị M trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Thanh Thảo.

- Con chung tên Nguyễn Văn N, sinh năm 1997 đã trưởng thành anh Nguyễn Văn L và chị Lê Thị M thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về chia tài sản: Anh Nguyễn Văn L và chị Lê Thị M thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Anh Nguyễn Văn L và chị Lê Thị M thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: Anh Nguyễn Văn L tự nguyện nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn; nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh L đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số BI/2019/ 0005935, ngày 01/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LV. Anh L được nhận lại tiền chênh lệch là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

2.6. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

## **THẨM PHÁN**

### ***Nơi nhận:***

- Đương sự;
  - VKSND Huyện;
  - Chi cục THADS Huyện;
  - UBND xã B;
- (GCNKH số 089 ngày ĐK 27/10/2016)
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

(Đã ký)

**Trần Văn Kiến**